

Bản án số: 87/2018/HS-ST

Ngày: 14/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân- Cán bộ hưu trí
2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương- Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Huế- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/TLST- HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST- HS ngày 01/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê D; tên gọi khác: Cu E; Sinh ngày: 24/9/1988 tại Thừa Thiên Huế; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: số 18/33 An Dương V, phường An Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: số 45 Thiên Thai, phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Lê Th, sinh năm: 1961; Con bà: Dương Thị S, sinh năm: 1964; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Nga; Đã ly hôn; Con: có 01 con 07 tuổi, Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: Nhỏ ở với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 12/12 thì nghỉ học; sau đó học và làm nghề lái xe; ngày 17/01/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 09/2007/HSST; ngày 14/7/2014, bị Công an thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng vũ khí trái quy định”; ngày 22/01/2018 phạm tội bị bắt quả tang. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/01/2018; tạm giam từ ngày 25/01/2018; “có mặt”

Người làm chứng:

- Anh Hoàng Bá C, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 6, Khu vực 3, phường An T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; “ vắng mặt”.

-Anh Nguyễn Sỹ Ph, sinh năm: 1976 trú tại: 85 Trần L , phường An T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; “ có mặt”

-Anh Lê Viết Ph, sinh năm1976; trú tại: 85 Trần L , phường An T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; “ có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 45 phút, ngày 22/01/2018, tại phòng số 3 nhà nghỉ Tân Song Y ở số 85 Trần L, phường An T, thành phố Huế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện và bắt quả tang Lê D đang tàng trữ trong túi quần bên phải đang mặc 01 (một) gói ni lông, bên trong có 02 (hai) gói ni lông, trong đó 01 (một) gói chứa chất tinh thể rắn màu trắng 01 (một) gói chứa chất bột khô màu trắng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê D ở số 45 Thiên Th, phường An T, thành phố Huế, thu giữ trong hộc tủ áo quần tại phòng ngủ của Danh 01 (một) gói ni lông bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong ký hiệu A1).

Tang vật thu giữ gồm:

-Một gói ni lông, bên trong có 02 (hai) gói ni lông nhỏ, trong đó một gói chứa chất bột khô màu trắng và một gói chứa chất tinh thể rắn màu trắng. Tất cả được niêm phong trong một gói niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong. Bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký ghi họ tên Lê D , hai chữ ký ghi họ tên Đỗ Tr, hai dấu tròn đỏ của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Một gói niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong. Bên trong gói niêm phong có một gói ni lông chứa chất tinh thể rắn màu trắng. Bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký ghi họ tên Lê D và hai chữ ký ghi họ tên Đỗ Tr và hai dấu tròn đỏ của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (gói ký hiệu A1)

- Một điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 013970002671062 đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 19/GĐ ngày 23/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng có khối lượng 0,1838g (không phải một tám ba tám gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

- Mẫu chất bột khô màu trắng có khối lượng 0,1135g (không phải một một ba năm gam), là ma túy, loại Ketamine.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A1 có khối lượng 0,1116g (không phải một một một sáu gam), là ma túy, loại Methamphetamine.”

Nguồn gốc ma túy nêu trên là do 02 (hai) nam thanh niên (không rõ lai lịch) bán và cho Lê D. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê D là để sử dụng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo D đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Lê D tàng trữ 02 chất ma túy quy định tại các điểm c và g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên việc xác định tình tiết định khung được tính như sau:

Tỷ lệ 0,2954 gam ma túy loại Methamphetamine so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là: $(0,2954 \text{ gam} : 05 \text{ gam}) \times 100\% = 5,908\%$.

Tỷ lệ 0,1135 gam ma túy loại Ketamine so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là: $(0,1135 \text{ gam} : 20 \text{ gam}) \times 100\% = 0,5675\%$.

Tổng tỷ lệ các chất ma túy trên là: $5,908\% + 0,5675\% = 6,4755\%$.

Do tổng tỷ lệ các chất ma túy dưới 100% nên Lê Danh đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 73/CT- VKS ngày 02 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Lê D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự ; xử phạt bị cáo Lê D mức án từ 01(một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã niêm phong.

Trả lại cho bị cáo Lê D 01 động hiệu Iphone số Imei: 013970002671062 đã qua sử dụng vì đây là tài sản của bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Có đủ căn cứ kết luận: Vào lúc 09 giờ 45 phút, ngày 22/01/2018, tại phòng số 3 nhà nghỉ Tân Song Y ở số 85 Trần L, phường An T, thành phố Huế, Lê D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,1838gam ma túy loại Methamphetamine và 0,1135gam ma túy loại Ketamine. Thu giữ 0,1116gam ma túy loại Methamphetamine trong hộc tủ áo quần tại nơi ở của D ở số 45 Thiên Thai, phường An T, thành phố Huế.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án là 0,2954 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,1135gam ma túy loại Ketamine. Nên hành vi nêu trên của bị cáo Lê D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Lê D tại bản cáo trạng số 73/CT- VKS ngày 02 tháng 5 năm 2018 là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua ma túy để tàng trữ, sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo xâm hại trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, phát sinh nhiều loại tội phạm nên cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu. Vào năm 2007, đã bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”; năm 2014, bị xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng vũ khí trái quy định”; nhưng bị cáo không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê D không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lê D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

Một gói ma túy đã qua giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong. Bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký của giám định viên Trần N, hai chữ ký của điều tra viên Đỗ Tr, hai dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ mẫu vật vụ Lê D bắt ngày 22/01/2018.

Trả lại cho bị cáo Lê D một điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 013970002671062 đã qua sử dụng, vì đây là tài sản bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê D (tên gọi khác: Cu Em) phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 22/01/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

-Một gói ma túy đã qua giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong. Bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký của giám định viên Trần N, hai chữ ký của điều tra viên Đỗ Tr, hai dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ mẫu vật vụ Lê D bắt ngày 22/01/2018.

-Trả lại cho bị cáo Lê D một điện thoại di động hiệu Iphone số Imei: 013970002671062 đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế ngày 02/5/2018

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV 27 Công an T-T-Huế;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Lê Tuyết Linh